



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Quyết định cổ phần hóa số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Tạo	Thành viên
Ông Nguyễn Hà Trung	Thành viên
Ông Lê Quang Tuấn	Thành viên (từ ngày 22/4/2019)
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên (đến ngày 22/4/2019)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 6/8/2019)

Ban Kiểm soát

Ông Đoàn Hồng Sáng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Tống Văn Hải	Thành viên Ban kiểm soát

Trụ sở đăng ký

Tầng 18&19, Số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-02-00131-19-1



Wang Toun Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2019



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		627.874.824.923	537.976.717.612
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	65.163.113.981	35.328.060.944
Tiền	111		65.163.113.981	35.328.060.944
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		189.372.265.504	135.748.972.061
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	161.413.782.438	122.160.228.855
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.756.734.483	25.537.914.898
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	31.409.801.437	9.413.746.342
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(24.208.052.854)	(21.768.140.749)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	405.222.715
Hàng tồn kho	140	12	372.516.827.256	365.499.415.868
Hàng tồn kho	141		372.516.827.256	365.499.415.868
Tài sản ngắn hạn khác	150		822.618.182	1.400.268.739
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		822.618.182	875.865.066
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	524.403.673
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		976.712.562.248	952.662.303.718
Các khoản phải thu dài hạn	210		66.085.000.000	63.476.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	66.085.000.000	63.476.000.000
Tài sản cố định	220		233.794.165.156	185.955.113.239
Tài sản cố định hữu hình	221	13	232.058.907.093	184.074.510.504
<i>Nguyên giá</i>	222		539.542.178.708	478.015.175.062
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(307.483.271.615)	(293.940.664.558)
Tài sản cố định vô hình	227	14	1.735.258.063	1.880.602.735
<i>Nguyên giá</i>	228		6.749.935.312	6.749.935.312
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.014.677.249)	(4.869.332.577)
Bất động sản đầu tư	230		-	3.234.686.485
<i>Nguyên giá</i>	231	15	-	3.234.686.485
Tài sản dở dang dài hạn	240		58.609.543.140	74.970.780.815
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	58.609.543.140	74.970.780.815
Đầu tư tài chính dài hạn	250	17	546.459.753.590	553.534.152.089
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000.000	510.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	66.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.540.246.410)	(22.465.847.911)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn khác	260		71.764.100.362	71.491.571.090
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	71.764.100.362	71.491.571.090
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.604.587.387.171	1.490.639.021.330
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		348.822.060.192	203.640.636.082
Nợ ngắn hạn	310		348.822.060.192	203.640.636.082
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	45.225.031.232	53.689.914.424
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.756.662.324	2.984.015.018
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	20.756.733.171	8.578.261.295
Phải trả người lao động	314		13.919.375.868	22.550.981.254
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	31.640.854.784	557.973.257
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	21.795.718.137	20.192.799.402
Vay ngắn hạn	320	23	213.206.363.055	98.321.474.474
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	24	521.321.621	(3.234.783.042)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.255.765.326.979	1.286.998.385.248
Vốn chủ sở hữu	410	25	1.255.765.326.979	1.286.998.385.248
Vốn cổ phần	411	26	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	337.707.716.549	330.797.220.456
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.591.095.739	123.734.650.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		521.047.757	(14.974.884.977)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		85.070.047.982	138.709.535.078
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.604.587.387.171	1.490.639.021.330

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

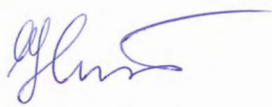
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng	01	30	791.738.249.493	754.949.341.634
Giá vốn hàng bán	11	31	556.949.394.021	525.404.607.542
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		234.788.855.472	229.544.734.092
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	23.346.418.900	18.064.396.432
Chi phí tài chính	22	33	11.642.331.019	9.717.988.465
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.246.038.766	1.913.976.791
Chi phí bán hàng	25	34	108.770.890.736	106.848.898.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	31.712.310.878	27.966.788.156
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		106.009.741.739	103.075.455.725
Thu nhập khác	31	36	22.836.166.349	2.010.729.967
Chi phí khác	32		897.547.453	1.061.002.707
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		21.938.618.896	949.727.260
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		127.948.360.635	104.025.182.985
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	21.661.779.395	17.797.908.089
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		106.286.581.240	86.227.274.896

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	127.948.360.635	104.025.182.985
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	15.923.870.248	29.797.583.065
Các khoản dự phòng	03	9.514.310.604	8.547.186.729
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	71.523.888	2.270.278
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(43.404.572.623)	(18.775.654.665)
Chi phí lãi vay	06	3.246.038.766	1.913.976.791
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	113.299.531.518	125.510.545.183
Biến động các khoản phải thu	09	(43.341.171.894)	(11.388.557.390)
Biến động hàng tồn kho	10	(7.017.411.388)	(77.863.524.458)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	16.967.998.020	54.754.950.754
Biến động chi phí trả trước	12	(2.400.512.422)	279.417.927
		77.508.433.834	91.292.832.016
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.246.038.766)	(1.913.976.791)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.522.036.515)	(16.916.771.221)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.477.453.004)	(4.036.695.865)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.262.905.549	68.425.388.139
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(47.221.624.260)	(37.895.559.812)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	24.358.818.181	1.367.117.273
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	14.664.659.046	17.408.537.392
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.198.147.033)	(19.119.905.147)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	394.468.196.028	348.217.450.461
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(279.604.492.447)	(229.146.169.869)
Tiền trả cổ tức	36	(129.093.409.060)	(160.242.659.025)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.229.705.479)	(41.171.378.433)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	29.835.053.037	8.134.104.559
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	35.328.060.944	48.025.131.306
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)	70	65.163.113.981	56.159.235.865

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viênPhương Thảo Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2019: 2 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 17.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tổng công ty có 328 nhân viên (1/1/2019: 334 nhân viên).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sàn văn phòng

Chi phí đầu tư sàn văn phòng là chi phí trả trước cho việc thuê văn phòng tại Tầng 18 Tòa nhà Mipeco, Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi nào trong cơ cấu đơn vị phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	2.344.784.348	353.109.652
Tiền gửi ngân hàng	62.818.329.633	34.974.951.292
	65.163.113.981	35.328.060.944

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty liên quan		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	8.693.513.061	12.191.607.345
Công ty Xăng dầu KV1	6.353.726.638	3.391.147.577
Công ty Xăng dầu Lào Cai	5.816.398.503	1.418.028.950
Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	5.259.624.873	73.320.000
Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	5.001.669.876	418.618.367
Các công ty khác thuộc Petrolimex	47.454.852.231	20.546.119.089
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	7.466.476.911	7.466.476.911
Total Lubrificants Hong Kong Limited	7.062.064.664	6.758.285.065
Công ty Vận tải biển Vinalines	1.877.695.206	3.555.470.834
Các khách hàng khác	66.427.760.475	66.341.154.717
	161.413.782.438	122.160.228.855

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải thu các công ty liên quan		
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con</i>		
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò (*)	12.500.000.000	-
Lợi nhuận chuyển về	7.615.781.881	-
Phải thu về thu hộ trả hộ	2.048.350.740	1.144.759.154
<i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con</i>		
Phải thu về thu hộ trả hộ	883.569.482	-
<i>Phải thu khác từ các công ty thuộc Petrolimex</i>	1.206.510.639	807.597.093
	<hr/>	<hr/>
	24.254.212.742	1.952.356.247
Các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	3.470.174.825	1.563.743.614
Phải thu từ người lao động	96.413.862	2.245.425.666
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.589.000.008	3.652.220.815
	<hr/>	<hr/>
	31.409.801.437	9.413.746.342
	<hr/>	<hr/>

- (*) Theo hợp đồng ngày 9 tháng 8 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 6 tháng kể từ ngày giải ngân. Trong năm 2018, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex xin gia hạn thời gian trả nợ thêm 24 tháng, do đó khoản hỗ trợ đầu tư này sẽ được hoàn trả trong tháng 2 năm 2020 (Thuyết minh 10(b)).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty con		
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò (Thuyết minh 10(a))	-	12.500.000.000
Hỗ trợ đầu tư cho dự án Cầu cảng Thọ Quang (**)	9.500.000.000	9.500.000.000
Hỗ trợ đầu tư dự án Nhà máy kho dung môi Hóa chất Petrolimex Đình Vũ – Hải Phòng (***)	56.585.000.000	41.476.000.000
	66.085.000.000	63.476.000.000

Các khoản hỗ trợ đầu tư cho các công ty con không có đảm bảo, không có lãi suất và phải thu theo các điều khoản sau:

- (**) Theo hợp đồng ngày 31 tháng 7 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Cầu cảng Thọ Quang của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 36 tháng kể từ ngày giải ngân (“thời gian hỗ trợ”). Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex có thể xin gia hạn thời gian hoàn trả tối đa là 24 tháng sau khi kết thúc thời gian hỗ trợ.
- (***) Theo hợp đồng ngày 25 tháng 8 năm 2017, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Nhà máy kho dung môi Hóa chất Petrolimex Đình Vũ – Hải Phòng của Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex – công ty con. Khoản hỗ trợ đầu tư này được hoàn trả sau 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex có thể xin gia hạn thời gian hoàn trả tối đa là 24 tháng sau khi kết thúc thời gian hỗ trợ.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2019			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2019		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	2.126.286.342	(2.126.286.342)	-	Trên 3 năm	2.126.286.342	(2.126.286.342)	-	
Công ty TNHH MTV Hàng hải Viễn Đông	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	Trên 3 năm	2.042.297.695	(2.042.297.695)	-	
Các công ty khác	Trên 3 năm	8.326.869.392	(8.326.869.392)	-	Trên 3 năm	6.664.176.232	(4.785.252.421)	1.878.923.811	
Các công ty khác	2 - 3 năm	85.000.000	(59.500.000)	25.500.000	2 - 3 năm	852.172.788	(578.614.854)	273.557.934	
Các công ty khác	1 - 2 năm	2.852.153.813	(1.426.076.907)	1.426.076.906	1 - 2 năm	2.725.853.684	(1.362.926.842)	1.362.926.842	
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	767.682.772	(230.304.831)	537.377.941	6 tháng - 1 năm	3.201.081.467	(876.044.908)	2.325.036.559	
		<u>26.197.007.701</u>	<u>(24.208.052.854)</u>	<u>1.988.954.847</u>		<u>27.608.585.895</u>	<u>(21.768.140.749)</u>	<u>5.840.445.146</u>	
<i>Trong đó:</i>									
			<u>(24.208.052.854)</u>				<u>(21.768.140.749)</u>		



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	19.206.838.117	-	12.394.223.267	-
Nguyên vật liệu	185.522.761.335	-	175.716.067.635	-
Công cụ và dụng cụ	7.163.866.151	-	7.376.589.556	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.911.097.567	-	27.921.338.499	-
Thành phẩm, hàng hóa	139.712.264.086	-	142.091.196.911	-
	<hr/>		<hr/>	
	372.516.827.256	-	365.499.415.868	-
	<hr/>		<hr/>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	178.060.955.864	240.086.075.269	44.475.536.722	15.392.607.207	478.015.175.062
Tăng trong kỳ	3.757.820.862	17.041.166.846	-	764.635.810	21.563.623.518
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	25.137.254.111	14.880.814.502	-	-	40.018.068.613
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	841.969.236	-	-	-	841.969.236
Chuyển sang công ty con	(78.347.728)	(818.309.993)	-	-	(896.657.721)
Số dư cuối kỳ	207.719.652.345	271.189.746.624	44.475.536.722	16.157.243.017	539.542.178.708
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	108.011.590.396	146.315.277.276	26.923.000.154	12.690.796.732	293.940.664.558
Khấu hao trong kỳ	4.478.972.874	7.802.368.302	1.084.214.874	846.899.924	14.212.455.974
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	226.808.804	-	-	-	226.808.804
Chuyển sang công ty con	(78.347.728)	(818.309.993)	-	-	(896.657.721)
Số dư cuối kỳ	112.639.024.346	153.299.335.585	28.007.215.028	13.537.696.656	307.483.271.615
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	70.049.365.468	93.770.797.993	17.552.536.568	2.701.810.475	184.074.510.504
Số dư cuối kỳ	95.080.627.999	117.890.411.039	16.468.321.694	2.619.546.361	232.058.907.093

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản với nguyên giá 138.648 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 136.788 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.749.935.312
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	4.869.332.577
Khấu hao trong kỳ	145.344.672
Số dư cuối kỳ	5.014.677.249
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.880.602.735
Số dư cuối kỳ	1.735.258.063

15. Bất động sản đầu tư

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
▪ Quyền sử dụng đất	-	3.234.686.485

Trong năm 2019, Tổng Công ty đã tổ chức đấu giá, thanh lý thành công quyền sử dụng thửa đất Số 52, 53, Khu E1, tại Đường 2 Tháng 9, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	74.970.780.815	48.552.347.941
Tăng trong kỳ	23.656.830.938	12.895.307.428
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(40.018.068.613)	(1.445.142.028)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	58.609.543.140	60.002.513.341

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	VND		VND	
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	32.653.785.431	19.487.082.963		
Dự án xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	664.652.430	29.840.819.026		
Công trình mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	10.262.490.286	8.087.296.789		
Tài sản chờ lắp đặt	7.036.441.762	6.411.441.762		
Các công trình khác	7.992.173.231	11.144.140.275		
	<hr/>	<hr/>		
	58.609.543.140	74.970.780.815		

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Đầu tư tài chính dài hạn

			30/6/2019			1/1/2019				
Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty con										
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex Hà Nội 100% 330.000.000.000 - (*) 100% 330.000.000.000 - (*)										
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex Hà Nội 100% 180.000.000.000 - (*) 100% 180.000.000.000 - (*)										
			510.000.000.000	-		510.000.000.000		510.000.000.000	-	
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP Hải Phòng 6.600.000 43,78% 66.000.000.000 (29.540.246.410) (*) 6.600.000 43,78% 66.000.000.000 (22.465.847.911) (*)										
			576.000.000.000	(29.540.246.410)		576.000.000.000		576.000.000.000	(22.465.847.911)	

(*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì (i) đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong kỳ số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và (ii) các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	32.307.660.065	16.356.104.135	8.161.496.407	14.310.624.087	355.686.396	71.491.571.090
Tăng trong kỳ	-	-	2.303.986.287	9.996.225.319	-	12.300.211.606
Phân bổ trong kỳ	(1.002.066.011)	(564.003.591)	(2.272.141.196)	(7.218.624.708)	(355.686.396)	(11.412.521.902)
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	-	-	-	(615.160.432)	-	(615.160.432)
Số dư cuối kỳ	31.305.594.054	15.792.100.544	8.193.341.498	16.473.064.266	-	71.764.100.362

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty thuộc Petrolimex	6.101.938.877	2.895.953.886
▪ Công ty TNHH Castrol BP PETCO	2.071.061.612	2.590.816.679
	<hr/>	<hr/>
	8.173.000.489	5.486.770.565
Các bên khác		
▪ Total Lubrifiants	3.993.701.711	13.028.711.451
▪ Công ty TNHH Châu Phước Thành	3.190.892.215	-
▪ Behn Meyer (Malaysia)	1.995.885.938	1.578.785.499
▪ Ducat Chemical	-	1.801.973.712
▪ Lubrizol Southeast Asia Pte., Ltd.	-	6.446.333.786
▪ Các nhà cung cấp khác	27.871.550.879	25.347.339.411
	<hr/>	<hr/>
	45.225.031.232	53.689.914.424
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã khấu trừ trong kỳ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.759.823.569	153.019.397.262	(57.728.885.007)	(91.916.897.799)	5.133.438.025
Thuế nhập khẩu	-	12.057.900.104	(12.057.900.104)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.232.334.256	21.661.779.395	(17.522.036.515)	-	9.372.077.136
Thuế bảo vệ môi trường	1.393.144.596	33.381.179.880	(29.788.182.944)	-	4.986.141.532
Thuế thu nhập cá nhân	192.958.874	2.254.788.882	(1.182.671.278)	-	1.265.076.478
Thuế khác	-	295.165.189	(295.165.189)	-	-
	8.578.261.295	222.670.210.712	(118.574.841.037)	(91.916.897.799)	20.756.733.171

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí đầu tư hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	23.724.863.294	557.973.257
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.915.991.490	-
	<hr/>	
	31.640.854.784	557.973.257
	<hr/>	

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Phải trả cổ tức	1.741.689.040	1.558.992.500
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	2.627.579.404	1.868.824.761
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000.000	15.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.426.449.693	1.764.982.141
	<hr/>	
	21.795.718.137	20.192.799.402
	<hr/>	

T. NH. H. 10/1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vay ngắn hạn**

	1/1/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	30/6/2019 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	98.321.474.474	394.468.196.028	(279.604.492.447)	21.185.000	213.206.363.055

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	VND	5,6	-	29.988.977.500
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	5,0 - 5,8	25.240.432.225	23.989.979.410
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,8 - 5,8	182.758.880.830	44.342.517.564
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,0	5.207.050.000	-
			213.206.363.055	98.321.474.474

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 3 tháng đến 5 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

24. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	(3.234.783.042)	(2.956.786.387)
Trích lập trong kỳ	8.233.557.667	4.586.337.483
Sử dụng trong kỳ	(4.477.453.004)	(4.083.148.396)
Số dư cuối kỳ	521.321.621	(2.453.597.300)

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	151.206.572.503	1.314.470.307.650
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	86.227.274.896	86.227.274.896
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.586.337.483)	(4.586.337.483)
Chia cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(161.595.132.000)	(161.595.132.000)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	11.803	11.803
Số dư tại ngày 30/6/2018	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	71.252.389.719	1.234.516.124.866
Số dư tại ngày 1/1/2019	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	330.797.220.456	20.463.604.691	123.734.650.101	1.286.998.385.248
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	106.286.581.240	106.286.581.240
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.233.557.667)	(8.233.557.667)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	6.910.496.093	-	(6.910.496.093)	-
Chia cổ tức (Thuyết minh 27)	-	-	-	-	-	-	(129.276.105.600)	(129.276.105.600)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	(9.976.242)	(9.976.242)
Số dư tại ngày 30/6/2019	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	337.707.716.549	20.463.604.691	85.591.095.739	1.255.765.326.979

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	Tại ngày 30/6/2019 và 1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	Tại ngày 30/6/2019 và 1/1/2019	
	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100,00%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 04 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty đã quyết định chia cổ tức 129.276 triệu VND (tương đương 1.600 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 161.595 triệu VND, tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	10.111	236.029.474	40.488	941.107.429
Euro (“EUR”)	228	6.500.126	234	6.655.678
		242.529.600		947.763.107

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt	56.319.000.000	52.477.000.000

30. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Bán dầu mỡ nhờn	762.069.822.086	726.840.376.960
Bán hàng hóa khác	29.668.427.407	28.108.964.674
	791.738.249.493	754.949.341.634

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Giá vốn dầu mỡ nhờn	527.516.800.947	497.438.572.918
Giá vốn hàng hóa khác	29.432.593.074	27.966.034.624
	<hr/>	<hr/>
	556.949.394.021	525.404.607.542
	<hr/>	<hr/>

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi	1.063.907.669	295.438.940
Lợi nhuận được chia từ công ty con	21.216.533.258	15.513.697.082
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.065.977.973	655.859.040
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	1.599.401.370
	<hr/>	<hr/>
	23.346.418.900	18.064.396.432
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí lãi vay	3.246.038.766	1.913.976.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.021.104.747	588.133.821
Chiết khấu thanh toán	300.789.007	240.179.970
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.074.398.499	6.975.697.883
	<hr/>	<hr/>
	11.642.331.019	9.717.988.465
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	16.109.362.387	13.524.029.658
Chi phí vận chuyển	12.731.140.090	11.167.909.837
Chi phí hỗ trợ bán hàng	36.963.158.098	26.141.039.944
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	22.772.764.787	23.004.629.083
Chi phí khấu hao	2.670.066.407	4.423.858.646
Chi phí sửa chữa	3.690.697.930	5.592.634.166
Chi phí bán hàng khác	13.833.701.037	22.994.796.844
	<hr/>	<hr/>
	108.770.890.736	106.848.898.178
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên	15.993.840.397	13.169.794.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.406.728.701	1.701.463.354
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.312.924.492	1.445.689.468
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.998.817.288	11.649.841.185
	<hr/>	<hr/>
	31.712.310.878	27.966.788.156
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

36. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định, bất động sản đầu tư	21.124.131.696	1.400.739.454
Các khoản khác	1.712.034.653	609.990.513
	<hr/>	<hr/>
	22.836.166.349	2.010.729.967
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	466.479.883.935	440.234.207.382
Chi phí nhân viên	43.472.647.499	35.499.024.908
Chi phí khấu hao và phân bổ	15.923.870.248	29.797.583.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.119.700.150	13.132.255.400
Chi phí khác	100.925.196.640	82.020.859.543

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	127.948.360.635	104.025.182.985
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	25.589.672.127	20.805.036.597
Chi phí không được khấu trừ thuế	315.413.920	95.610.908
Thu nhập không bị tính thuế	(4.243.306.652)	(3.102.739.416)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.661.779.395	17.797.908.089

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
▪ Trả cổ tức	102.222.814.400	127.778.518.000
Công ty con		
<i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	22.631.800	1.250.140.354
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	11.110.000	27.775.000
▪ Lợi nhuận được chia	9.248.749.254	9.181.583.284
▪ Chi phí hỗ trợ vốn được nhận	-	898.476.712
▪ Hỗ trợ đầu tư	15.109.000.000	18.100.000.000
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	607.152.600	2.369.499.375
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	73.580.000	203.699.143
▪ Lợi nhuận được chia	11.967.784.004	6.332.113.798
▪ Chi phí hỗ trợ vốn được nhận	-	700.924.658
Các công ty liên quan		
<i>Các công ty thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	647.169.696.756	596.648.934.649
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	5.798.986.159	28.731.615.724
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	9.410.376.491	11.518.454.839
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
▪ Lương, thù lao và thưởng	3.936.464.520	3.125.109.127

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

40. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được mang sang từ:

- các số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan; và
- số liệu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đối với các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan.

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

